



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

Hải Phòng, tháng 03 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	Thôi nhiệm ngày 26/07/2022
Ông Lê Mạnh Hoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/07/2022
Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/12/2022
Ông Nguyễn Đăng Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Thôi nhiệm ngày 10/03/2022

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hoa	Trưởng ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Thu Trang	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Mạnh Hoàn	Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 8%. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chia cổ tức. Ngày 13/03/2023, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 134/QĐ-SGDHN chấp thuận niêm yết bổ sung 2.182.307 cổ phiếu của Công ty. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu niêm yết tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2022 là 294.643.340.000 đồng.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Hải Phòng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



LÊ MẠNH HOÀN
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2023

SỐ. 16/BCKT-UHYHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán này đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán số 131/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV3 ngày 25 tháng 03 năm 2022.



Nguyễn Hồng Hiền
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1117-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
UHY - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Ngày 27 tháng 03 năm 2023
Tp. Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

A blue ink signature of Nguyễn Đức Quỳnh.

Nguyễn Đức Quỳnh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1016-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		130.725.367.325	390.463.825.564
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	33.917.322.974	2.189.632.753
1. Tiền	111		1.532.735.249	2.189.632.753
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.384.587.725	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66.472.392.485	351.266.873.336
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5a	66.472.392.485	351.266.873.336
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.370.598.510	32.273.154.538
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	23.437.667.470	14.345.150.843
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		176.510.000	222.948.279
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.756.421.040	17.926.704.511
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	-	(221.649.095)
IV. Hàng tồn kho	140	9	4.915.445.022	3.324.969.386
1. Hàng tồn kho	141		4.915.445.022	3.324.969.386
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.608.334	1.409.195.551
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		49.608.334	45.210.416
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	-	1.363.985.135
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		455.043.449.951	143.342.197.532
I. Tài sản cố định	220		12.292.951.625	14.396.573.012
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	12.269.229.401	14.344.850.792
- Nguyên giá	222		281.608.441.534	281.686.429.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(269.339.212.133)	(267.341.578.625)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	23.722.224	51.722.220
- Nguyên giá	228		1.243.840.000	1.243.840.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.220.117.776)	(1.192.117.780)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		442.544.235.500	128.448.085.837
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5b	447.305.948.664	47.305.948.664
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5b	5.766.336.836	4.203.026.136
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.528.050.000)	(2.820.888.963)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5a	-	79.760.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		206.262.826	497.538.683
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		206.262.826	497.538.683
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		585.768.817.276	533.806.023.096

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁSố 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngõ
Quyền, Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 01 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		22.576.008.960	16.604.251.221
I. Nợ ngắn hạn	310		22.576.008.960	16.604.251.221
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	4.283.280.963	3.975.337.428
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.200.773.968	1.067.025.798
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	3.818.873.327	538.495.541
4. Phải trả người lao động	314		10.181.574.638	8.105.403.467
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		42.526.547	493.333.997
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		917.439.298	763.762.771
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.131.540.219	1.660.892.219
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		563.192.808.316	517.201.771.875
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	563.192.808.316	517.201.771.875
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.820.270.000	259.870.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.820.270.000	259.870.270.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.248.771.566	1.352.660.454
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		222.647.646.117	191.797.285.602
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.476.120.633	64.181.555.819
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		31.831.195.304	64.181.555.819
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		34.644.925.329	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		585.768.817.276	533.806.023.096
(440 = 300 + 400)				



Lê Mạnh Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 03 năm 2023

Mai Thị Yên Thế
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	107.826.401.367	87.066.769.364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	107.826.401.367	87.066.769.364
4. Giá vốn hàng bán	11	18	59.129.829.724	51.295.367.076
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		48.696.571.643	35.771.402.288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	21.890.137.959	44.663.905.061
7. Chi phí tài chính	22	21	7.707.161.037	2.843.063.662
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	18.226.447.772	16.950.799.841
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 -22) - (26)}	30		44.653.100.793	60.641.443.846
10. Thu nhập khác	31		505.957.257	2.602.960.431
11. Chi phí khác	32		32.446.663	323.745.654
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		473.510.594	2.279.214.777
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		45.126.611.387	62.920.658.623
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	10.481.686.058	8.744.678.108
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.644.925.329	54.175.980.515
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.270	2.085
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	25	1.176	1.986



Lê Mạnh Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 03 năm 2023

Mai Thị Yên Thế
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.126.611.387	62.920.658.623
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.207.945.192	5.295.935.071
Các khoản dự phòng	03		7.485.511.942	2.820.888.963
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.253.424)	3.838.462
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.292.831.543)	(46.764.527.416)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.522.983.554	24.276.793.703
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.646.413.555)	(1.551.441.327)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.590.475.635)	(287.050.181)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.253.807.931	(418.740.192)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		286.877.939	495.529.218
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.871.388.116)	(11.853.108.840)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.029.352.000)	(1.553.110.126)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.926.040.118	9.108.872.255
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.104.323.805)	(723.217.272)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		410.000.000	2.118.872.725
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(474.048.666.211)	(738.019.419.318)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		838.603.147.062	687.352.545.982
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(401.563.310.700)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.753.104.870
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37.654.439.221	39.531.850.851
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.714.433)	(7.986.262.162)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		12.846.111.112	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.846.111.112	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		31.723.436.797	1.122.610.093
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	2.189.632.753	1.071.370.402
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.253.424	(4.347.742)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	4	33.917.322.974	2.189.632.753

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022





Lê Mạnh Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 03 năm 2023



Mai Thị Yên Thế
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0203000123 ngày 27/11/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827.

Theo Giấy chứng nhận kinh doanh sửa đổi lần 12 ngày 11/08/2022, vốn Điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 272.820.270.000 đồng.

Công ty có 03 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải đa phương thức, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Xếp dỡ và Giao nhận, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại thành phố Hà Nội, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh ngày 17/10/2016.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 201 người (tại ngày 01/01/2022 là 202 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: bốc xếp hàng hoá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hoá, dịch vụ nâng cầu hàng hoá, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hoá; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác - dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hoá; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;

b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

c) Hàng tồn kho được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ vào khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí mua hàng (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 13
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư đã xuất dùng và chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty, mức trích lập cụ thể dựa trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư, thời gian và lãi suất áp dụng của khoản tiền gửi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bên liên quan của Công ty bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	265.980.946	282.464.432
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.266.754.303	1.907.168.321
Các khoản tương đương tiền (*)	32.384.587.725	-
Cộng	33.917.322.974	2.189.632.753

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Ngắn hạn	66.472.392.485	66.472.392.485	351.266.873.336	351.266.873.336
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và không quá 12 tháng	66.472.392.485	66.472.392.485	351.266.873.336	351.266.873.336
Dài hạn	-	-	79.760.000.000	79.760.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	-	-	59.760.000.000	59.760.000.000
- Trái phiếu Công ty CP Chứng khoán Kỹ thương	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	66.472.392.485	66.472.392.485	431.026.873.336	431.026.873.336



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

MÃU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và góp vốn vào đơn vị khác

b1) Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	447.305.948.664	(10.528.050.000)	-	47.305.948.664	(2.820.888.963)	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Tratigroup (1)	400.000.000.000	-	(*)	-	-	(*)
Công ty TNHH Vạn tài Hàng công nghệ cao (2)	47.305.948.664	(10.528.050.000)	(*)	47.305.948.664	(2.820.888.963)	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.766.336.836	-	11.829.321.000	4.203.026.136	-	13.182.372.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (3)	1.203.026.136	-	10.290.321.000	1.203.026.136	-	13.182.372.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (4)	1.563.310.700	-	1.539.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng (5)	3.000.000.000	-	(*)	3.000.000.000	-	(*)
Cộng	453.072.285.500	(10.528.050.000)		51.508.974.800	(2.820.888.963)	

(*) Đối với các khoản đầu tư số (1), (2) và (5) chưa niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô
Quyền, Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác:

(1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup chi tiết như sau:

- Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022, trong năm 2022, Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá đã thực hiện góp vốn để thành lập Công ty mới là Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup.

- Tại ngày 31/12/2022, khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup là 400 tỷ đồng (mệnh giá 10.000 đ/CP), chiếm tỷ lệ 47,06% vốn Điều lệ.

- Thông tin Công ty nhận vốn đầu tư:

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup.

Trụ sở chính: Phòng 1303, tầng 13, Tòa nhà Tungshing Square, số 02 đường Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Đăng ký kinh doanh số: 0110069290 ngày 22/07/2022.

Vốn điều lệ: 850.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; kinh doanh bất động sản.

- Nguồn vốn góp: Công ty sử dụng từ nguồn vốn chủ sở hữu khả dụng được thể hiện bằng các khoản tiền và tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và thu hồi một phần công nợ khách hàng để chuyển tiền góp vốn vào Công ty Tratigroup.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng Công nghệ cao với tổng giá trị tại ngày 31/12/2022 là 47.305.948.664 đồng, chiếm tỷ lệ 39% vốn Điều lệ.

(3) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ tại ngày 31/12/2022 với giá trị 1.203.026.136 đồng tương đương với 224.190 cổ phần, chiếm 0,56% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ hiện nay đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu DVP.

Giá đóng cửa cổ phiếu DVP tại ngày 31/12/2022 là 45.900 đồng/cổ phiếu, tại ngày 31/12/2021 là 58.800 đồng/cổ phiếu.

(4) Khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Quân Đội tại ngày 31/12/2022 với giá trị 1.563.310.700 đồng tương đương với 90.000 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ.

Ngân hàng TMCP Quân Đội hiện nay đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu MBB. Giá đóng cửa cổ phiếu MBB tại ngày 31/12/2022 là 17.100 đồng/cổ phiếu.

(5) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng với giá trị 3.000.000.000 đồng tương đương với 300.000 cổ phần, chiếm 3,525% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****b2) Thông tin về các Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư khác**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu vốn (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Phòng 1502 toà nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội	Vận tải hàng, kết hợp vận tải hàng công nghệ cao theo tuyến ven biển Việt Nam	39%	39%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi, vận tải hàng hóa đa phương thức, dịch vụ hàng hải	0,56%	0,56%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng	Số 16 Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, dịch vụ kho bãi và đại lý hàng hóa	3,525%	3,525%

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.437.667.470	14.345.150.843
Công ty TNHH đại lý & môi giới vận tải biển quốc tế	12.717.038.732	6.143.215.000
Công ty CP giám định & Logistics Viettec	1.977.399.957	1.050.641.255
Công ty CO XD AMECC	2.389.730.688	-
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	1.978.129.728	-
Các khách hàng khác	4.375.368.365	7.151.294.588
b) Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
Cộng	23.437.667.470	14.345.150.843

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn khác	1.756.421.040	-	17.926.704.511	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	1.699.534.213	-	17.471.141.891	-
Phải thu khác	44.302.727	-	12.514.887	-
Tạm ứng của nhân viên	12.584.100	-	443.047.733	-
Cộng	1.756.421.040	-	17.926.704.511	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. NỢ XẤU

<i>Thông tin về các khoản phải thu thương mại quá hạn</i>	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kad Việt Nam	-	-	33.427.095	33.427.095
Công ty TNHH MTV Vạn tài Hải Nam	-	-	188.222.000	188.222.000
Cộng	-	-	221.649.095	221.649.095

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, phụ tùng thay thế	3.974.987.060	-	2.960.917.274	-
Công cụ, dụng cụ	940.457.962	-	364.052.112	-
Cộng	4.915.445.022	-	3.324.969.386	-

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	62.221.033.501	10.151.671.561	207.121.786.878	2.191.937.477	281.686.429.417
Mua trong năm	-	-	1.066.123.805	38.200.000	1.104.323.805
Thanh lý	-	-	(1.182.311.688)	-	(1.182.311.688)
Số cuối năm	62.221.033.501	10.151.671.561	207.005.598.995	2.230.137.477	281.608.441.534
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	60.055.712.018	9.570.640.277	195.551.020.943	2.164.205.387	267.341.578.625
Khấu hao trong năm	1.012.621.296	290.153.412	1.863.902.162	13.268.326	3.179.945.196
Thanh lý	-	-	(1.182.311.688)	-	(1.182.311.688)
Số cuối năm	61.068.333.314	9.860.793.689	196.232.611.417	2.177.473.713	269.339.212.133
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	2.165.321.483	581.031.284	11.570.765.935	27.732.090	14.344.850.792
Số cuối năm	1.152.700.187	290.877.872	10.772.987.578	52.663.764	12.269.229.401

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 255.552.963.319 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 256.114.476.851 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm nghiệp vụ, phần mềm quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	1.243.840.000	1.243.840.000
Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	1.243.840.000	1.243.840.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	1.192.117.780	1.192.117.780
Khấu hao trong năm	27.999.996	27.999.996
Số cuối năm	1.220.117.776	1.220.117.776
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	51.722.220	51.722.220
Số cuối năm	23.722.224	23.722.224

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 1.159.840.000 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 1.159.840.000 đồng).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
CN Cty TNHH VT Hàng Công nghệ cao tại HP	1.223.598.901	1.223.598.901	178.090.527	178.090.527
Cty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc tế	1.110.937.141	1.110.937.141	746.999.570	746.999.570
CTCP TM và VT Trường Xuân	514.325.700	514.325.700	306.231.035	306.231.035
CTCP Vật tư - Xăng dầu Hải Dương	241.279.200	241.279.200	-	-
Nhà cung cấp khác	1.193.140.021	1.193.140.021	2.744.016.296	2.744.016.296
Cộng	4.283.280.963	4.283.280.963	3.975.337.428	3.975.337.428

Phải trả người bán là các bên liên quan - chi tiết tại Thuyết minh số 26.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁSố 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngõ
Quyền, Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số cuối năm VND
a) Thuế phải thu	1.363.985.135	1.363.985.135	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.362.996.135	1.362.996.135	-	-
Tiền thuê đất	989.000	989.000	-	-
b) Thuế phải nộp	538.495.541	18.773.952.801	15.493.575.015	3.818.873.327
Thuế giá trị gia tăng	382.720.884	3.225.468.842	3.071.515.686	536.674.040
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.118.689.923	5.871.388.116	3.247.301.807
Thuế thu nhập cá nhân	155.774.657	453.818.036	574.695.213	34.897.480
Thuế nhà đất	-	173.941.000	173.941.000	-
Tiền thuê đất	-	5.797.035.000	5.797.035.000	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12 ngày 11/08/2022, vốn Điều lệ của Công ty là 272.820.270.000 đồng. Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm kết thúc năm tài chính như sau:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị vốn góp	Tỷ lệ	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
		VND	%	VND	%
1	Ông Hoàng Văn Quang	65.700.000.000	24,08%	62.700.000.000	24,13%
2	Công ty Cổ phần Tratimex P&L	62.700.000.000	22,98%	62.700.000.000	24,13%
3	Các cổ đông khác	144.420.270.000	52,94%	134.470.270.000	51,74%
	Cộng	272.820.270.000	100,00%	259.870.270.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐOẠN XÁSố 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****b) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	259.870.270.000	1.352.660.454	136.355.992.903	66.946.868.004	464.525.791.361
Trích lập các quỹ	-	-	55.441.292.699	(56.941.292.700)	(1.500.000.001)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	54.175.980.515	54.175.980.515
Số dư đầu năm nay	259.870.270.000	1.352.660.454	191.797.285.602	64.181.555.819	517.201.771.875
Trích lập các quỹ (*)	-	-	30.850.360.515	(32.350.360.515)	(1.500.000.000)
Tăng vốn trong năm (**)	12.950.000.000	(103.888.888)	-	-	12.846.111.112
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	34.644.925.329	34.644.925.329
Số dư cuối năm	272.820.270.000	1.248.771.566	222.647.646.117	66.476.120.633	563.192.808.316

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022, Đại hội thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2021 như sau: trích quỹ Đầu tư phát triển 30.850.360.515 đồng và quỹ khen thưởng, phúc lợi 1.500.000.000 đồng.

(**) Tăng vốn theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) năm 2021. Số lượng cổ phiếu phát hành 1.295.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu. Ngày 26/07/2022, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn và nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 với số vốn Điều lệ là 272.820.270.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	259.870.270.000	259.870.270.000
- Vốn góp tăng trong năm	12.950.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	272.820.270.000	259.870.270.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.282.027	25.987.027
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.282.027	25.987.027
- Cổ phiếu phổ thông	27.282.027	25.987.027
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.282.027	25.987.027
- Cổ phiếu phổ thông	27.282.027	25.987.027
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Thông tin về phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ và Tờ trình số 19/2022/TTr-HĐQT-DXP ngày 24 tháng 06 năm 2022, Đại hội thông qua 2 đợt phát hành cổ phiếu như sau:

- Đợt 1: Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu: 2.182.307 cổ phiếu theo tỷ lệ 8%.

+ Ngày 21/02/2023, Công ty đã hoàn thành việc trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu và nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 với số vốn Điều lệ là 294.643.340.000 đồng.

+ Ngày 13/03/2023, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 134/QĐ-SGDHN chấp thuận niêm yết bổ sung 2.182.307 cổ phiếu của Công ty. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu niêm yết tại thời điểm lập báo cáo tài chính 2022 là 294.643.340.000 đồng.

- Đợt 2: số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành riêng lẻ: 25.000.000 cổ phiếu. Thời gian chào bán dự kiến trong quý I/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ tại các ngân hàng (USD)	5.488,29	8.606,77

16. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ bốc xếp hàng hoá tại Thành phố Hải Phòng.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	107.826.401.367	87.066.769.364
Cộng	<u>107.826.401.367</u>	<u>87.066.769.364</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	59.129.829.724	51.295.367.076
Cộng	<u>59.129.829.724</u>	<u>51.295.367.076</u>

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá	7.783.337.867	7.297.236.772
Chi phí nhân công	36.388.950.515	30.326.303.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.207.945.192	5.295.935.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.300.856.236	15.496.064.067
Chi phí khác	11.675.187.686	9.830.627.903
Cộng	<u>77.356.277.496</u>	<u>68.246.166.917</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	20.537.691.543	27.080.850.651
Lãi mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn	-	15.987.985.130
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	1.345.140.000	1.594.560.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.306.416	509.280
Cộng	21.890.137.959	44.663.905.061

(*) Trong năm 2022, Công ty đã nhận được cổ tức của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ, mức cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 50%/mệnh giá và tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10%/mệnh giá. Theo đó, tổng số cổ tức Công ty đã nhận được trong năm là 1.345.140.000 đồng.

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dự phòng đầu tư tài chính	7.707.161.037	2.820.888.963
Chi phí bán chứng khoán	-	17.741.090
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	4.433.609
Cộng	7.707.161.037	2.843.063.662

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.845.018.753	7.181.904.617
Chi phí vật liệu quản lý	541.314.106	339.409.221
Chi phí đồ dùng văn phòng	252.312.993	186.685.461
Chi phí khấu hao TSCĐ	803.508.322	806.446.240
Thuế, phí và lệ phí	5.976.965.000	4.160.494.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.198.567.539	2.030.177.420
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.608.761.059	2.245.682.082
Cộng	18.226.447.772	16.950.799.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	45.126.611.387	62.920.658.623
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	7.281.818.902	(458.672.136)
Trừ: Cổ tức lợi nhuận được chia	(1.345.140.000)	(1.594.560.000)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.626.958.902	1.135.887.864
Thu nhập chịu thuế	52.408.430.289	62.461.986.487
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông	10.481.686.058	12.492.397.297
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 92/2021	-	(3.747.719.189)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.481.686.058	8.744.678.108

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.644.925.329	54.175.980.515
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.282.027	25.987.027
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.270	2.085

Trong năm 2022, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận năm 2021 với số tiền 1.500.000.000 đồng theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022, do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được trình bày lại như sau:

	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	54.175.980.515
Trừ: trích quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2022 từ nguồn lợi nhuận năm 2021	(1.500.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	52.675.980.515
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.987.027
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	34.644.925.329	54.175.980.515
Số cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm (cổ phiếu)	27.282.027	25.987.027
Số cổ phiếu được phát hành sau ngày khóa sổ kế toán (cổ phiếu) (*)	2.182.307	1.295.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.176	1.986

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 14, số cổ phiếu được phát hành sau ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2022 với số lượng 2.182.307 cổ phiếu là số lượng cổ phiếu Công ty phát hành trả cổ tức năm 2021. Ngày 13/03/2023, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 134/QĐ-SGDHN chấp thuận niêm yết bổ sung 2.182.307 cổ phiếu của Công ty.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định chưa trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định tại Thông tư số 210/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

27. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty

Bên liên quan

Ông Hoàng Văn Quang
Công ty Cổ phần Tratimex P&L
Công ty cổ phần Tập đoàn Tratigroup
Công ty cổ phần VN ASPHALT
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải phòng
Các thành viên Ban lãnh đạo là bên liên quan của Công ty

Bản chất bên liên quan

Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn
Cùng thành viên ban lãnh đạo và cổ đông lớn
Công ty liên kết
Công ty con của Công ty liên kết
Chi nhánh Công ty liên kết

a) Giao dịch với nhân sự chủ chốt:

Thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	133.333.333	111.111.111
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	111.111.111	83.333.333
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên	82.352.941	77.777.778
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên	55.555.556	55.555.556
Tổng		382.352.941	327.777.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thù lao của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm trước VND	Năm trước VND
Bà Nguyễn Thị Hoa	Trưởng ban kiểm soát	27.777.778	16.666.667
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát	11.111.111	11.111.111
Bà Đinh Thị Thu Trang	Thành viên Ban kiểm soát	11.111.111	11.111.111
Tổng		50.000.000	38.888.889

Tiền lương và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Trần Việt Hùng	Nguyên Tổng Giám đốc	306.450.000	1.061.213.972
Ông Lê Mạnh Hoàn	Tổng Giám đốc	749.305.638	642.635.354
Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	84.837.987	-
Bà Mai Thị Yên Thế	Kế toán trưởng, người công bố thông tin	290.314.498	314.907.903
Tổng		1.430.908.122	2.018.757.229

b) Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
CN Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng		
Mua hàng hóa, dịch vụ từ Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải phòng	2.852.908.519	1.727.692.604
Công ty cổ phần VN ASPHALT		
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Công ty cổ phần VN ASPHALT	2.745.050.816	2.342.808.906

c) Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao		
Đầu tư góp vốn	47.305.948.664	47.305.948.664
Phải trả thương mại ngắn hạn	1.223.598.901	178.090.527
Công ty cổ phần VN ASPHALT		
Phải thu thương mại ngắn hạn	456.845.511	1.233.783.516

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô
Quyền, Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.





Lê Mạnh Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 03 năm 2023



Mai Thị Yên Thế
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương
Người lập

